C(Insert) R(Select) U(Update) D(Delete)

* INSERT: thêm dữ liệu vào mảng
* UPDATE: cập nhật dữ liệu
* DELETE: xóa dữ liệu
* SELECT: truy vấn dữ liệu data

**INSERT:**

C1/

INSERT INTO tableName

VALUES (<value 1>, … <value m>)

C2/

INSERT INTO tableName(<listOfFields>)

VALUES (<value 1>, … <value m>)

VD:

INSERT INTO tblDepartment(depNum,depName)

VALUES (6, N’Phòng Kế Toán’);

Khuyến khích xài C2 vì:

* Kiểm soát đc dữ liệu đưa vào
* Kiểm soát đc lỗi phát sinh trong tương lai

**UPDATE**:

UPDATE tableName

SET columnName = newValue, columnName = newValue

[WHERE]

EX: Update new salary and depNum for the employee named ‘Mai Duy An’

UPDATE tblEmployee

SET empSalary = empSalary + 5000, depNum = 2

WHERE empName = N’Mai Duy An’

**DELETE:**

DELETE FROM tableName

[WHERE condition]

TRUNCATE TABLE columnName

(DELETE xóa điều kiện và TRUNCATE xóa hết)

NOTE:

* thứ tự tạo bản tương tự thứ tự thêm dữ liệu
* Lúc xóa dữ liệu thì ngược lại thứ tự thêm